| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 118/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20/3/2026
Về việc tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Bùi Thị Thúy Lan;

2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thái Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 750/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/3/2026 , giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Thiều Thị H, sinh năm 1986; thường trú: Thôn Đ, xã C, tỉnh Hà Tĩnh, (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Trương Công N, sinh năm 1976; thường trú: Thôn Đ, xã C, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: Số D, đường T, khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Thiều Thị H trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Thiều Thị H và ông Trương Công N1 sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện về sống chung với nhau, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tỉnh và đã được cấp Giấy

chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01 ngày 19/02/2005. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 01 năm, bà H có bầu nên về quê. Trong thời gian bà H mang bầu thì ông N không phụ giúp trong vấn đề kinh tế. Một mình bà H nuôi con ở quê cho đến con được 02 tuổi bà H gửi con cho ông bà nội vào lại Bình Dương để đi làm. Hai vợ chồng sống chung từ năm 2009, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông N thường xuyên nhậu nhẹt, mỗi lần say thường tát, lôi kéo, đánh, đỉnh điểm có một lần ông N còn dội nồi nước canh đang nóng lên đầu bà. Vào năm 2015, bà H có làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, ông N có ký vào đơn nhưng do còn thương con nên không nộp đơn đến Tòa án. Tuy nhiên, ông N không thay đổi, sống vô tâm, những hôm bà đau ốm, bệnh tật ông N không quan tâm, chăm sóc. Do tình cảm vợ chồng lạnh nhạt nên bà H quyết định đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Bà H đi từ năm 2017 đến 2025 mới về nước. Do đó, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm lạnh nhạt, không đồng cảm, chia sẽ với nhau các vấn đề trong cuộc sống. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có với nhau 01 người con chung tên Trương Công K, sinh ngày 20/7/2006. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung. Số tiền bà H đi Xuất khẩu lao động đã gửi về để sửa chữa nhà cửa, gửi cho bố mẹ chồng để nuôi con và trả nợ số tiền thời điểm vay để làm thủ tục đi xuất khẩu lao động nên bà không còn tiền dư. Bản thân ông N cũng là người đi làm, có thu nhập nhưng ông N cũng không đưa tiền cho bà. Vợ chồng mạnh ai nấy chi tiêu nên không có tài sản chung.

Về nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Trương Công N trình bày:

Ông Trương Công N thống nhất với lời khai của bà H về thời gian tìm hiểu, điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó có phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi nhau nhưng mâu thuẫn không trầm trọng. Quá trình chung sống, ông N chỉ đánh vợ 01 lần nhưng không gây thương tích gì nghiêm trọng. Sau đó, vợ ông đi Nhật Bản 08 năm, mới về tháng 09/2025 nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Ông N yêu cầu chia tài sản chung nhưng bà H không đồng ý nên ông N không đồng ý ly hôn. Tại phiên

tòa, ông N xác định vẫn còn tình cảm với vợ nhưng bà H nhất quyết yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có với nhau 01 người con chung tên Trương Công K, sinh ngày 20/7/2006. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung số tiền khoảng 830.000.000 đồng, hiện nay bà H đang giữ, ông N chỉ biết vậy chứ không có chứng cứ để nộp cho Tòa án nên không có đơn phản tố chia tài sản chung.

Về nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thiều Thị H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Thiều Thị H đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn là ông Trương Công N có địa chỉ tại số D đường T, khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thiều Thị H và ông Trương Công N là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tỉnh (nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh) theo giấy đăng ký kết hôn số 08, quyển số 01 ngày 19/02/2005 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Bà Thiều Thị H xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông N không quan tâm, chăm sóc, không phụ giúp bà H trong vấn đề kinh tế gia đình. Mỗi lần nhậu say ông N thường đánh đập bà H. Mặc dù không gây thương tích nặng nhưng dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, căng thẳng, gây mệt mỏi cho nhau. Bà H đi xuất khẩu lao động từ năm 2017 nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, không chia sẻ, đồng cảm với nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không

còn nên bà Thiều Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Trương Công N. Ông Trương Công N thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường hay cãi nhau. Ông có đánh bà H 01 lần nhưng không gây thương tích nghiêm trọng. Bà H đi xuất khẩu lao động nên vợ chồng sống xa nhau. Ông N chỉ đồng ý ly hôn khi bà H chia tài sản chung cho ông. Tại phiên tòa, ông N xác định vẫn còn tình cảm với vợ nhưng bà H nhất quyết yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Ông N, bà H có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân nhiều năm không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Thiều Thị H và ông Trương Công N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà Thiều Thị H.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 người con chung tên Trương Công K, sinh ngày 20/7/2006. Con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Quá trình tố tụng, ông Trương Công N trình bày vợ chồng có tài sản chung là số tiền 830.000.000 đồng. Tuy nhiên, do bà H giữ tiền mặt nên ông N không có chứng cứ chứng minh và không có đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thiều Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Thiều Thị H được ly hôn với ông Trương Công N.

Về con chung: Con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Thiều Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0039443 ngày 18/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Thiều Thị H đã nộp đủ.

3. Nguyên đơn và bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND Tp . HCM;
- VKSND KV16, Tp . HCM;
- Phòng THADS KV16;
- UBND xã Cẩm Lạc, tỉnh Hà Tĩnh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hồng**